

Bản án số: 09/2022/HSST

Ngày: 26/01/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Long và bà Phạm Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lan Hương - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 26/01/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 161/2021/HSST ngày 01 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2021/QĐXXST- HS ngày 31 tháng 12 năm 2021 đối với:

Bị cáo **Đặng Quốc D**, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Số nhà 31, tổ 10, phường Phương Lâm, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Quốc Hồng; Con bà Mai Thị Loan; Có vợ là Nguyễn Thu H; **Bị cáo có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2021; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình.**

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/6/2021 đến ngày 02/7/2021, bị cáo hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Số nhà 31, tổ 10, phường Phương Lâm, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Có mặt tại phiên tòa).

2. Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ Ngọc 1, phường Trung Minh, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. Anh Vũ Hải N, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ 12, phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1984; Địa chỉ: Phố Bãi Nai, xã Mông Hóa, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số nhà 9, ngõ 11, đường Lê Lợi, tổ 10, phường Phương Lâm, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Anh Bùi Xuân T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Tổ 2, phường Quỳnh Lâm, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Chị Bùi Thị C, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 16, phường Phương Lâm, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

8. Chị Đinh Thị T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 9, phường Phương Lâm, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

9. Anh Phan Tuấn A, sinh năm 1991; Địa chỉ: Xóm Xạ Múc, xã hợp Thành, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

10. Ông Nguyễn Trần Đ, sinh năm 1976; Địa chỉ: Xóm Dộc Phấn, xã Lâm Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

11. Bà Vũ Thị Ngân H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 12, phường Phương Lâm, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

12. Bà Trần Thị H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số nhà 4, ngõ 35, tổ 10, phường Phương Lâm, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

13. Chị Lê Thu H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số nhà 47, tổ 3, phường Phương Lâm, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

14. Anh Bùi Đức T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Xóm Tân Lập 2, phường Trung Minh, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

15. Chị Phan Thị N, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ 11, phường Kỳ Sơn, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

16. Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Phòng 306, chung cư An Thịnh B, cảng Chân Dê, phường Thịnh Lang, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

17. Anh Bùi Văn L, sinh năm 1994; Địa chỉ: Xóm Quảng Láng, xã Ngọc Mỹ, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

18. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số nhà 50, tổ 8, phường Phương Lâm, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

19. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 2. Phường Phương Lâm, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

20. Anh Bùi Đức S, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ Tân Lập 2, phường Trung Minh, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

21. Anh Bùi Hữu H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ 9, phường Tân Thịnh, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

22. Anh Nguyễn Ngọc C – Sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 7, phường Phương Lâm, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Chị Bùi Thị Bích P – Sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 8, phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Tiến L – Sinh năm 1988; Địa chỉ: Tổ 17, phường Hữu Nghị, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Trung H – Sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ Tân Lập 1, phường Trung Minh, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt).

4. Anh Ngô Văn T – Sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ 6, phường Phương Lâm, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt).

5. Anh Bùi Đức A – Sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 6, phường Phương Lâm, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt).

6. Anh Dương Công D – Sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ Tân Lập 2, phường Trung Minh, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt).

7. Anh Phạm Bá Q – Sinh năm 1987; Địa chỉ: Tổ Tân Lập 1, phường Trung Minh, phường Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt).

8. Anh Đinh Viết T – Sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ 8, phường Trung Minh, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/6/2021, Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hòa Bình thực hiện Quyết định khám người theo thủ tục hành chính đối với Đặng Quốc D, phát hiện trong điện thoại của Dũng có nhiều tin nhắn về việc cho vay lãi. Cùng ngày, Đặng Quốc D đến cơ quan công an đầu thú về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Trên cơ sở các tài liệu điều tra xác định: Đặng Quốc D sử dụng nguồn tiền của cá nhân, thực hiện hành vi cho vay lãi nặng từ khoảng giữa năm 2018, tại nhà ở thuộc tổ 10, phường Phương Lâm, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Tùy vào mối quan hệ và hình thức vay mà Dũng đưa ra mức thỏa thuận lãi suất khác nhau. Ban đầu Dũng cho khách vay mà không ghi chép lại, chỉ ghi nhớ để thu tiền lãi và gốc. Đến tháng 11/2020, Dũng mua phần mềm ag.mecash.vn quản lý Cầm đồ trên mạng internet. Dũng tạo tài khoản 0974.274.688 – Cầm đồ 69 để quản lý việc cầm đồ cho vay lãi. Sau khi cho khách vay tiền, thỏa thuận mức lãi suất, vòng đóng tiền lãi, Dũng cập nhật thông tin vào trong phần mềm với trang quản lý tại máy tính tại nhà Dũng.. Với phương thức như trên, Đặng Quốc D cho nhiều người vay với mức lãi suất khác nhau. Cụ thể:

**** Cho vay mức lãi suất vượt quá 5 lần lãi suất cho phép (20%) theo quy định của Bộ luật dân sự:***

Đăng Quốc D cho 14 người vay với mức lãi suất từ 109,5%/năm – 255,5%/năm vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%) từ 5,475 lần - 12,7 lần, cụ thể:

1. Ngày 27/11/2020 Đăng Quốc D cho chị **Bùi Thị C** vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) với lãi suất 6.000đ/1 triệu đ/ngày tương đương với lãi suất 214.182%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 10,709 lần, đến ngày 14/6/2021 thời hạn vay là 200 ngày, chị Cảnh đã phải trả số tiền lãi là 5.868.000đ (năm triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 547.945,205đ (*năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm phẩy hai trăm linh năm đồng*), số tiền thu lời bất chính là 5.320.054,795đ (năm triệu ba trăm hai mươi nghìn không trăm năm mươi tư phẩy bảy trăm chín mươi lăm đồng).

Đến nay số tiền gốc 5.000.000đ chị Cảnh đã thanh toán cho Đăng Quốc D.

2. Đăng Quốc D cho chị **Đinh Thị T** vay các khoản tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 14/12/2020 Dững cho chị Thắm vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), với lãi suất 6.000đ/1 triệu/ngày tương đương với lãi suất 219%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 10,95 lần, đến ngày 23/3/2021 thời hạn vay là 100 ngày, Chị Thắm đã phải trả số tiền lãi là 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 547.945,205đ (*năm trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm phẩy hai trăm linh năm đồng*), số tiền thu lời bất chính là 55.452.054,795 đồng.

Lần 2: Ngày 19/01/2021 Dững tiếp tục cho chị Thắm vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), lãi suất 6.000đ/1 triệu/ngày tương đương 219%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 10,95 lần, đến 22/3/2021 thời hạn vay 63 ngày, chị Thắm đã trả lãi số tiền lãi là 3.780.000đ (Ba triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng). Số tiền lãi được thu theo quy định là 345.205,479đ (*Ba trăm bốn mươi năm nghìn hai trăm linh năm phẩy bốn trăm bảy mươi chín đồng*), số tiền thu lời bất chính là 3.434.794.521 đồng.

Lần 3: Ngày 22/3/2021 chị Thắm xin gộp tiền gốc 02 khoản vay (lần 1 + lần 2) thành số tiền vay mới là 20.000.000 đ (hai mươi triệu đồng), lãi suất vẫn như thỏa thuận trước, tương đương với lãi suất 214.438%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 10,722 lần, đến 09/6/2021 thời hạn vay 80 ngày. Chị Thắm đã trả tiền lãi là 9.400.000đ (Chín triệu bốn trăm nghìn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 876.712,329đ (*Tám trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười hai phẩy ba trăm hai mươi chín đồng*), số tiền thu lời bất chính là 8.523.287,671 đồng.

Số tiền gốc 20.000.000đ chị Thắm đã thanh toán cho Dững.

3. Đăng Quốc D cho chị **Phan Thị N** vay số tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 04/12/2020 Dững cho chị Ngọc vay số tiền 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 5.000đ/1 triệu/ngày, tương đương 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 9,125 lần, đến 24/02/2021 thời hạn vay 83 ngày. Chị Ngọc đã trả lãi là 6.225.000đ (

Sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định 682.191,781đ (*Sáu trăm tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi một phẩy bảy trăm tám mươi một đồng*), số tiền thu lời bất chính là: 5.542.808,219 đồng.

Số tiền gốc 15.000.000đ chị Ngọc đã trả cho Dũng.

Lần 2: Ngày 06/4/2021 Dũng cho chị Ngọc vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 5.000đ/1 triệu/ngày tương đương 194,667%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 9,733 lần, đến 05/05/2021 thời hạn vay 30 ngày Chị Ngọc đã trả lãi là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng), số tiền lãi được hưởng theo quy định 82.191,781đ (*Tám mươi hai nghìn, một trăm chín mươi một phẩy bảy trăm tám mươi một đồng*), số tiền thu lời bất chính là 717.808,219 đồng.

Lần 3: Ngày 06/5/2021 Dũng cho chị Ngọc vay thêm 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 3.000đ/1 triệu/ngày tương đương 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 9,125 lần. Đồng thời xin gộp tiền gốc 02 khoản vay (lần 2 + lần 3) thành số tiền vay 10.000.000đ (mười triệu đồng), đến 25/05/2021 thời hạn vay 20 ngày. Chị Ngọc đã trả lãi là 1.000.000đ (Một triệu đồng), số tiền lãi được hưởng theo quy định là 242.424,242đ (*Hai trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi bốn phẩy hai trăm bốn mươi hai đồng*), Số tiền thu lời bất chính là 757.257,758 đồng.

Lần 4: Ngày 26/5/2021 chị Ngọc tiếp tục vay thêm 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 3.000đ/1 triệu/ngày tương đương 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 9,125 lần. Đồng thời xin gộp tiền gốc 02 khoản vay (lần 3 + lần 4) thành số tiền vay 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), đến 24/6/2021 thời hạn vay 30 ngày. Chị Ngọc đã trả lãi là 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền lãi được hưởng theo quy định là 246.575.342đ (*Hai trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm phẩy ba trăm bốn mươi hai đồng*), số tiền thu lời bất chính là 2.003.424,658 đồng.

4. Đặng Quốc D cho anh **Bùi Xuân T** vay số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 5.000đ/1 triệu/ngày, tương đương 178,776%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 8,939 lần. Đến 20/6/2021 thời hạn vay 210 ngày, anh Thành đã trả lãi là 7.200.000đ (Bảy triệu hai trăm nghìn đồng), số tiền lãi được hưởng theo quy định là 805.479,452đ (Tám trăm linh năm nghìn bốn trăm bảy mươi chín phẩy bốn trăm năm mươi hai đồng), số tiền thu lời bất chính là 6.394.520,548 đồng.

5. Ngày 05/12/2020 Dũng cho chị **Vũ Thị Ngân H** vay số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 5.000đ/1 triệu/ngày tương đương 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 9,125 lần, đến 22/6/2021 thời hạn vay 200 ngày. Chị Huyền đã trả lãi là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Số tiền lãi hưởng theo quy định là 767.123,288đ (*Bảy trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm hai mươi hai phẩy hai trăm tám mươi tám đồng*), số tiền thu lời bất chính là 6.232.876,712 đồng.

Hiện chị Huyền đang còn nợ số tiền vay gốc là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

6. Đặng Quốc D cho anh **Nguyễn Trần Đ** vay số tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 06/3/2021 Dững cho anh Đông vay số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 6.000đ/1 triệu/ngày tương đương 208,571%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 10,429 lần, đến 26/3/2021 thời hạn vay 21 ngày, anh Đông đã trả lãi là 2.400.000 (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng), số tiền được hưởng theo quy định là 230.136,986 (*Hai trăm ba mươi nghìn một trăm ba mươi sáu phẩy chín trăm tám mươi sáu đồng*), số tiền thu lời bất chính là 2.169.863,014 đồng.

Lần 2: Ngày 26/3/2021 Đông trả cho Dững 10.000.000đ tiền gốc đối với khoản nợ lần 1, còn nợ lại số tiền gốc là 10.000.000đ (mười triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 6.000đ/1 triệu/ngày tương đương 255,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 12,775 lần, đến 31/3/2021 thời hạn vay 06 ngày, anh Đông đã trả lãi là 420.000đ (Bốn trăm hai mươi nghìn), số tiền được hưởng theo quy định là 32.876,712đ (*Ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi sáu phẩy bảy trăm mười hai đồng*), số tiền thu lời bất chính là 387.123,288 đồng.

Lần 3: Ngày 16/5/2021 Dững tiếp tục cho anh Đông vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 6.000đ/1 triệu/ngày tương đương 219%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 10,95 lần, đến 24/6/2021 thời hạn vay 40 ngày, anh Đông đã trả lãi là 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng), số tiền được hưởng theo quy định là 438.356,164đ (*Bốn trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu phẩy một trăm sáu mươi tư đồng*), số tiền thu lời bất chính là 4.361.643,836 đồng.

Hiện tại anh Đông đã trả hết tiền gốc cho Dững

7. Đặng Quốc D cho anh **Phạm Tuấn A** vay số tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 30/11/2020 Dững cho anh Tuấn Anh vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày tương đương 176,028%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 8,801 lần, đến 19/4/2021 thời hạn vay 141 ngày, anh Tuấn Anh đã trả lãi là 3.400.000 (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng), số tiền được hưởng theo quy định là 386.301,370đ (*Ba trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm linh một phẩy ba trăm bảy mươi đồng*), số tiền thu lời bất chính là 3.013.698,630 đồng.

Lần 2: Ngày 19/4/2021 anh Tuấn Anh trả cho Dững 3.000.000đ (Ba triệu đồng), còn nợ lại tiền gốc là 2.000.000đ (hai triệu đồng), với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày tương đương 231,167%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 11,558 lần, đến ngày 17/6/2021 thời hạn vay 60 ngày, anh Tuấn Anh đã trả lãi là 760.000đ (Bảy trăm sáu mươi nghìn đồng), số tiền được hưởng theo quy định là 65.753,425đ (*Sáu mươi năm nghìn bảy trăm năm mươi ba phẩy bốn trăm hai mươi năm đồng*), số tiền thu lời bất chính là 694.246,575 đồng.

Đến nay Phạm Tuấn A chưa thanh toán số tiền vay gốc 2.000.000 đồng.

8. Đặng Quốc D cho chị **Lê Thu H** vay số tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 20/3/2021 Dững cho chị Hà vay số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), với lãi suất là 3.000đ/1 triệu/ngày tương đương với lãi suất 109,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 5,475 lần, đến

30/3/2021 thời hạn vay 11 ngày, chị Hà đã phải trả số tiền lãi là 330.000đ (Ba trăm ba mươi ba nghìn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 60.273,973đ (Sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi ba phẩy chín trăm bảy mươi ba đồng, số tiền thu lời bất chính là 269.726,027 đồng.

Số tiền gốc 10.000.000đ chị Hà đã thanh toán cho Dũng

Lần 2: Ngày 31/3/2021 sau khi thanh toán khoản vay trên. Dũng tiếp tục cho Hà vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ngày tương đương với lãi suất 231,167%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 5,475 lần, đến 28/6/2021 thời hạn vay 90 ngày, chị Hà đã phải trả số tiền lãi là 2.700.000đ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 65.753,425đ (Sáu mươi năm nghìn bảy trăm năm mươi ba phẩy bốn trăm hai mươi năm đồng), số tiền thu lời bất chính là 694.246,575đ (Sáu trăm chín mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi sáu phẩy năm trăm bảy mươi năm đồng).

Đến nay chị Hà đã thanh toán số tiền gốc 10.000.000đ cho Đặng Quốc D.

9. Ngày 03/12/2020 Đặng Quốc D cho chị **Hoàng Thị T** vay số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) với lãi suất 7.000đ/1 triệu đ/ngày tương đương với lãi suất 250,88%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 12,544 lần, đến ngày 19/02/2021 thời hạn vay là 79 ngày, chị Thủy đã phải trả số tiền lãi là 543.000đ (Năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định là 43.287,671đ (bốn mươi ba nghìn hai trăm tám mươi bảy phẩy sáu trăm bảy mươi một đồng), số tiền thu lời bất chính là 499.712,329đ (Bốn trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm mười hai phẩy ba trăm hai mươi chín đồng).

Đến nay số tiền gốc 1.000.000đ chị Thủy đã thanh toán cho Đặng Quốc D

10. Đặng Quốc D cho Nguyễn Minh T vay số tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 19/02/2021 Dũng cho anh Thanh vay số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ngày tương đương với lãi suất 109,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 5,475 lần, đến 02/3/2021 thời hạn vay 12 ngày, anh Thanh đã trả lãi là 108.000 (Một trăm linh tám đồng), số tiền được hưởng theo quy định là 19.726,027đ (Mười chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu phẩy không trăm hai mươi bảy đồng), số tiền thu lời bất chính là 88.273,973đ (Tám mươi tám nghìn hai trăm bảy mươi ba phẩy chín trăm bảy mươi ba đồng).

Số tiền gốc 3.000.000đ anh Thanh đã thanh toán cho Dũng.

Lần 2: Ngày 05/3/2021 Dũng cho Thanh vay số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng), với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ngày tương đương với lãi suất 109,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 5,475 lần, đến 28/5/2021 thời hạn vay 85 ngày, anh Thanh đã trả lãi là 764.000đ (Bảy trăm sáu mươi tư nghìn đồng), số tiền được hưởng theo quy định là 139.726,027 (Một trăm ba mươi chín nghìn bảy trăm hai mươi sáu phẩy không trăm hai mươi bảy đồng), số tiền thu lời bất chính là 625.273,973 đồng.

Số tiền gốc 3.000.000đ anh Thanh đã thanh toán cho Dũng.

Lần 3: Ngày 10/6/2021 Dững tiếp tục cho anh Thanh vay 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*), với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày, đến 12/6/2021 anh Thanh tắt toán khoản vay này nên Dững không lấy tiền lãi.

Lần 4: Ngày 22/6/2021 Dững cho anh Thanh vay 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày, khoản vay này chưa kịp thu lãi. Sau đó Thanh đã tắt toán khoản vay trên.

11. Đặng Quốc D cho anh **Nguyễn Thành L** vay số tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 17/02/2021 Dững cho anh Luân vay số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày, tương đương 109,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 5,475 lần, đến 24/02/2021 thời hạn vay 08 ngày, anh Luân đã trả lãi là 240.000 (*Hai trăm bốn mươi nghìn đồng*), số tiền lãi được thu theo quy định 43.835,616đ (*Bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi năm phẩy sáu trăm mười sáu đồng*), số tiền thu lời bất chính là: 196.164,384 đồng.

Số tiền gốc 10.000.000đ anh Luân đã trả cho Dững.

Lần 2: Ngày 11/6/2021 Dững cho anh Luân vay số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 9,125 lần, đến 20/6/2021 thời hạn vay 10 ngày, anh Luân đã trả lãi là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*), số tiền lãi được thu theo quy định 54.794,521đ (*Năm mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi tư phẩy năm trăm hai mươi một đồng*), số tiền thu lời bất chính là: 445.205,479 đồng.

Số tiền gốc đến nay anh Luân đã thanh toán cho Dững.

12. Đặng Quốc D cho **Vũ Hải N** vay số tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 16/02/2021 Dững cho anh Nam vay số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*), với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 9,125 lần, đến 22/3/2021 thời hạn vay 08 ngày, anh Thanh đã trả lãi là 1.400.000đ (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*), số tiền lãi được thu theo quy định 153.424,658đ (*Một trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi bốn phẩy sáu trăm năm mươi tám đồng*), số tiền thu lời bất chính là: 1.246.575,342 đồng.

Lần 2: Ngày 16/02/2021 Dững cho anh Nam vay số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*), với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 9,125 lần, đến 22/3/2021 thời hạn vay 08 ngày, anh Nam đã trả lãi là 1.400.000đ (*Một triệu bốn trăm nghìn đồng*), số tiền lãi được thu theo quy định 153.424,658đ (*Một trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi bốn phẩy sáu trăm năm mươi tám đồng*), số tiền thu lời bất chính là: 1.246.575,342 đồng.

Lần 3: Ngày 16/04/2021 Dững cho anh Nam vay số tiền 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*), với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày (gộp với tiền gốc với khoản vay lần 2 thành) tổng số tiền gốc: 10.000.000đ, tương đương lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 7,613 lần, đến 20/5/2021 thời

hạn vay 35 ngày, anh Nam đã trả lãi là 1.460.000đ (*Một triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*), số tiền lãi được thu theo quy định 191.780,822đ (*Một trăm chín mươi một nghìn bảy trăm tám mươi phẩy tám trăm hai mươi hai đồng*), số tiền thu lời bất chính là: 1.268.219,178 đồng.

Số tiền gốc 10.000đ anh Nam đã thanh toán cho Dũng.

Lần 4: Ngày 22/6/2021 Dũng cho anh Nam vay số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*), với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày, tương đương lãi suất 182,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 9,125 lần, đến 22/6/2021 thời hạn vay 10 ngày, anh Nam đã trả lãi là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), số tiền lãi được thu theo quy định 32.876,721 (*Bai mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi sáu phẩy bảy trăm hai mươi một đồng*), số tiền thu lời bất chính là: 267.123,288 đồng.

Số tiền gốc 6.000.000đ anh Nam đã thanh toán cho Dũng.

13. Đặng Quốc D cho **Bùi Đức T** vay số tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 05/12/2020 Dũng cho anh Thuận vay số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 5,475 lần, đến 17/3/2021 thời hạn vay 103 ngày, anh Thuận đã trả lãi là 3.090.000đ (*Ba triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*), số tiền lãi được thu theo quy định 564.383,562đ (*Năm trăm sáu mươi tư nghìn ba trăm tám mươi ba phẩy năm trăm sáu mươi hai đồng*), số tiền thu lời bất chính là: 2.252.616,438 đồng.

Số tiền gốc Thuận đã thanh toán cho Dũng.

Lần 2: Ngày 10/12/2020 Dũng cho anh Thuận vay số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 5,475 lần, đến 17/3/2021 thời hạn vay 98 ngày, anh Thuận đã trả lãi là 2.940.000đ (*Hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng*), số tiền lãi được thu theo quy định 536.986,301đ (*Năm trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi sáu phẩy ba trăm linh một đồng*), số tiền thu lời bất chính là: 2.403.013,699 đồng.

Số tiền gốc anh Thuận đã thanh toán cho Dũng.

Lần 3: Ngày 10/12/2020 Dũng tiếp tục cho anh Thuận vay số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 5,475 lần, đến 17/3/2021 thời hạn vay 98 ngày, anh Thuận đã trả lãi là 8.820.000đ (*Tám triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng*), số tiền lãi được thu theo quy định 1.610.958,904đ (*Một triệu sáu trăm mười nghìn chín trăm năm mươi tám phẩy chín trăm linh bốn đồng*), số tiền thu lời bất chính là: 7.209.041,096 đồng.

Số tiền gốc anh Thuận đã thanh toán cho Dũng.

Lần 4: Ngày 21/01/2021 Dũng tiếp tục cho anh Thuận vay số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ngày, tương đương lãi suất 109,5%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 5,475 lần, đến 17/3/2021 thời hạn vay 52 ngày, anh Thuận đã trả lãi là 1.560.000đ (*Một triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*), số tiền lãi được thu theo quy định

284.931,507đ (Hai trăm tám mươi tư nghìn chín trăm ba mươi một phẩy năm trăm linh bảy đồng), số tiền thu lời bất chính là: 1.275.068,493 đồng.

Số tiền gốc anh Thuận đã thanh toán cho Dũng.

14. Ngày 08/11/2020, Đặng Quốc D cho **Trần Thị H** vay số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày, tương đương lãi suất 177,286%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là 8,864 lần, có để lại 01 sổ hộ khẩu, đến 14/2/2021 thời hạn vay 100 ngày, chị Hạnh đã trả lãi là 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm nghìn đồng), số tiền lãi được thu theo quy định 383.561,644đ (Ba trăm tám mươi ba nghìn năm trăm sáu mươi một phẩy sáu trăm bốn mươi bốn đồng), số tiền thu lời bất chính là: 3.016.438,356 đồng.

Số tiền gốc chị Hạnh đã thanh toán cho Dũng.

Tổng số tiền Đặng Quốc D cho 14 cá nhân nêu trên vay là 252.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) những người vay đã trả cho Dũng số tiền 247.000.000đ (Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng). Chưa trả tiền gốc: 5.000.000đ (Năm triệu đồng), trong đó: Vũ Thị Ngân H chưa trả 3.000.000đ (Ba triệu đồng), Phạm Tuấn A chưa trả 2.000.000 (Hai triệu đồng).

Mức lãi suất cho vay đối với các cá nhân trên tương ứng với mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 255,5%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong bộ luật dân sự (20%) từ 5,475 lần – 12,7 lần. Tổng số tiền lãi Đặng Quốc D thu được là 89.759.000đ (Tám mươi chín triệu bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng). Trong đó:

Tổng số tiền Đặng Quốc D thu lời bất chính là 78.948.014đ (Bảy mươi tám triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn không trăm bốn mươi một đồng).

Tổng số tiền Đặng Quốc D được hưởng theo quy định (Lãi suất trong 20%) là 10.810.959đ (mười triệu tám trăm mười nghìn chín trăm năm mươi chín đồng).

*** Cho vay mức lãi suất từ 20,278%/năm đến 82,522%/năm, vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự (20%), từ 1,014 lần – 4,126 lần, cụ thể:**

1. Ngày 10/02/2021 Đặng Quốc D cho anh **Nguyễn Ngọc H** vay số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), với lãi suất 2.000đ/1 triệu/ngày, tương đương lãi suất 73%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong bộ luật dân sự là 3,65 lần, đến ngày 19/06/2021 thời hạn vay là 130 ngày, anh Huân trả lãi 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng), Trong đó số tiền lãi 20% được thu theo quy định là 1780.821,918đ, tiền lãi trên 20% là 4.719.178,082đ. Số tiền gốc 25.000.000đ anh Huân đã thanh toán cho Dũng.

2. Ngày 12/3/2021 Đặng Quốc D cho anh **Bùi Văn L** vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), với lãi suất 2.000đ/1 triệu/ngày, tương đương lãi suất 73%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong bộ luật dân sự là 3,65 lần, đến ngày 12/4/2021 thời hạn vay là 32 ngày, anh Huân trả lãi 1.280.000đ (Một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng), Trong đó số tiền lãi 20% được thu theo quy định là 350.684,932đ, tiền lãi trên 20% là 929,315,068đ. Số tiền gốc 20.000.000đ anh Lùng đã thanh toán cho Dũng.

3. Ngày 12/3/2021 Đặng Quốc D cho Chị **Phạm Thị H** vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày, tuy nhiên từ ngày 06/12/2020 đến 11/02/2021 chị Hồng đã trả cho Đặng Quốc D 67 ngày, tổng tiền lãi là 1.000.000 (một triệu đồng), Dũng đồng ý nhận số tiền lãi thấp hơn so với thỏa thuận do chị Hồng là người quen biết, tương ứng với lãi suất thực tế là 54,478%/năm, gấp 2,714 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự, số tiền lãi 20% được thu theo quy định là 367.123,288đ, tiền lãi trên 20% là 632.876,712đ. Số tiền gốc 10.000.000đ chị Hồng đã thanh toán cho Dũng.

4. Đặng Quốc D cho **Bùi Văn T** vay số tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 30/12/2020 Dũng cho Thắng vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), lãi suất 2.000đ/1 triệu/ngày, tương ứng với lãi suất 82,255%/năm. Gấp 4,126 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. Từ ngày 30/12/2020 đến ngày 12/4/2021 (92 ngày), anh Thắng đã trả lãi là 2.080.000đ (Hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng). Tiền lãi 20% được hưởng theo quy định là 504.109,589đ, tiền lãi trên 20% là: 1.575.890,411đ. Số tiền gốc 10.000.000đ anh Thắng đã thanh toán cho Dũng.

Lần 2: Ngày 05/5/2021 Dũng cho Thắng vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), lãi suất 2.000đ/1 triệu/ngày, tương ứng với lãi suất 73%/năm. Gấp 3,65 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. Từ ngày 05/5/2021 đến ngày 03/6/2021 (30 ngày), anh Thắng đã trả lãi là 600.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Tiền lãi 20% được hưởng theo quy định là 164.383,562đ, tiền lãi trên 20% là: 435.616,438đ. Số tiền gốc 10.000.000đ anh Thắng đã thanh toán cho Dũng.

5. Ngày 30/3/2021 Đặng Quốc D cho **anh Bùi Đức T** vay số tiền 100.000.000đ, với lãi suất 2.000đ/1 triệu/ngày, tương ứng với lãi suất 73%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong bộ luật dân sự là: 6,65 lần. Từ ngày 30/3/2021 đến 28/5/2021 (60 ngày), Anh Thuận đã trả tiền lãi cho Dũng là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), trong đó số tiền lãi 20% được hưởng theo quy định là 3.287.671,233đ, tiền lãi trên 20% là 54.794,521đ.

Đến nay số tiền gốc 100.000.000đ anh Thuận đã thanh toán cho Dũng

6. Tháng 9/2020 Đặng Quốc D cho **Phạm Đức Sơn** vay số tiền 30.000.000đ, với lãi suất 3.000đ/1 triệu/ngày. Tuy nhiên từ tháng 9/2020 đến 05/2021 (8 tháng) anh Sơn đã trả tiền lãi là 4.000.000 (Bốn triệu đồng), Dũng đồng ý với số tiền lãi này, không yêu cầu gì thêm, tương ứng với lãi suất thực tế là 20,278%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là: 1,014 lần. Số tiền lãi 20% được hưởng theo quy định là 3.945.205,479đ, tiền lãi trên 20% là 54.764,521đ.

Đến nay số tiền gốc 30.000.000đ anh Sơn đã thanh toán cho Dũng.

7. Đặng Quốc D cho **Bùi Hữu H** vay số tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Tháng 6/2020 vay số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng), với lãi suất 1.500đ/1 triệu/ngày, tương ứng lãi suất 50,694%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là: 2,535 lần. Từ tháng 6/2021 đến 8/2020 (2 tháng) anh Hoàng đã trả lãi là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), trong đó số tiền lãi 20% được hưởng theo quy định là 1.972.602,74đ, tiền lãi trên 20% là 3.027.397,26đ.

Lần 2: Tháng 8/2020 anh Hoàng đã trả cho Dũng 20.000.000đ tiền gốc, còn lại số tiền 50.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*). Từ tháng 8/2021 đến 10/2020 (2 tháng) anh Hoàng đã trả lãi là 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*), tương ứng với mức lãi suất 60,833%/năm, vượt quá mức lãi suất được quy định trong Bộ luật dân sự là 3,042 lần. Số tiền lãi 20% được hưởng theo quy định là 1.315.068,493đ, tiền lãi trên 20% là 2.684.931,507đ.

Lần 2: Tháng 10/2020 anh Hoàng đã trả cho Dũng 20.000.000đ tiền gốc, Hoàng nợ số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Từ tháng 10/2020 đến tháng 02/2021 (4 tháng) anh Hoàng đã trả lãi là 3.450.000đ (*Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), tương ứng với mức lãi suất 52,469%/năm, vượt quá mức lãi suất được quy định trong Bộ luật dân sự là 2,623 lần. Số tiền lãi 20% được hưởng theo quy định là 1.315.067,493đ, tiền lãi trên 20% là 2.134.931,507đ.

Toàn bộ số tiền gốc còn lại anh Hoàng đã trả cho Dũng.

8. Tháng 12/2020 Đặng Quốc D cho **Nguyễn Ngọc C** vay số tiền 50.000.000 (*Năm triệu đồng*) với lãi suất 5.000đ/1 triệu/ngày, Tuy nhiên từ tháng 12/2020 đến 6/2021 (6 tháng) anh Cường đã trả tiền lãi là 1.000.000 (*Một triệu đồng*), Dũng đồng ý với số tiền lãi này, không yêu cầu gì thêm, tương ứng với lãi suất thực tế là 40,556%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự là: 2,028 lần. Số tiền lãi 20% được hưởng theo quy định là 493.150,685đ, tiền lãi trên 20% là 506.849,315đ.

Số tiền gốc 5.000.000đ anh Cường đã thanh toán cho Dũng.

9. Ngày 20/9/2018, Đặng Quốc D cho chị **Trần Thị H** vay số tiền là 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*), với lãi suất 2.000đ/1 triệu/ngày, tương ứng với mức lãi suất 73%/năm, gấp 3,65 lần mức lãi suất cao nhất được quy định. Từ tháng 20/9/2018 đến 30/9/2018 (10 ngày) chị Hạnh đã trả tiền lãi là 140.000đ (*Một trăm bốn mươi nghìn đồng*), số tiền lãi 20% được hưởng theo quy định là 38.356,164đ, tiền lãi trên 20% là 101.643,836đ.

Số tiền gốc 7.000.000đ chị Hạnh đã thanh toán cho Dũng.

Như vậy Đặng Quốc D đã cho 09 người vay với tổng số tiền 277.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng*) với mức lãi sất từ 20,278%/năm – 82,255%/năm vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự (20%) từ 1,014 lần – 4, 126 lần.

Tổng số tiền lãi Đặng Quốc D thu được là 41.050.000đ (*Bốn mươi một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*). Trong đó:

- Tổng số tiền lãi Đặng Quốc D được hưởng trên mức 20% là 25.515,753đ (*Hai mươi lăm triệu năm trăm mười lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng*)

- Tổng số tiền Đặng Quốc D được hưởng mức lãi trong 20% là 15.534.246đ (*Mười lăm triệu năm trăm ba mươi tư nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng*)

Ngày 14/10/2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Hòa Bình có văn bản số: 688/TTGSNH và 669/TTGSNH trả lời xác nhận việc tính lãi, xác định số tiền thu lời bất chính (đối tượng cho vay lãi Đặng Quốc D) của cơ quan CSĐT Công an TP Hòa Bình về nguyên tắc và phương pháp tính lãi đã thực hiện theo quy định

của Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Trong đó, xác nhận Đặng Quốc D đã cho 14 vay với mức lãi suất từ 109,5%/năm – 255,5%/năm vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự từ 5,475 lần – 12,7 lần.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Đặng Quốc D khai nhận toàn bộ hành vi của mình, phù hợp với các tài liệu điều tra thu thập được.

Cáo trạng số 152/CT-VKSTP ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, truy tố Đặng Quốc D về “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố; Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân người phạm tội. Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 201; **Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 35 và Điều 36** của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Đặng Quốc D mức án từ 24 đến 30 tháng Cải tạo không giam giữ và đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền ở mức thấp nhất.

Về các biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Đặng Quốc D phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền lãi đã thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tịch thu sung Công quỹ số tiền 247.000.000 đồng tiền gốc bị cáo đã cho vay để thu lời bất chính và số tiền lãi 10.810.959 đồng.

Về xử lý vật chứng đề nghị HĐXX tuyên tịch thu sung công toàn bộ các vật chứng đã thu giữ được mà bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội, tiêu hủy 01 sim điện thoại và trả lại bị cáo Dững các giấy tờ của các cá nhân liên quan. Đề nghị HĐXX tuyên buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phần tranh luận không có ý kiến gì.

Lời sau cùng, bị cáo Đặng Quốc D xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện: Từ khoảng giữa năm 2018, Dững đã bắt đầu thực hiện cho vay tiền lãi suất cao tại cơ sở dịch vụ kinh doanh cầm đồ của mình tại tổ 10, phường Phương Lâm, thành phố H. **Bị cáo Dững đã thực hiện nhiều lần hành vi cho nhiều người vay lãi với mức lãi suất từ 3.000đ đến 6.000đ/1.000.000đ/ngày (tương đương với từ 109,5% đến 255,55%/năm), vượt mức lãi suất cao nhất được quy định trong bộ luật dân sự (20%)**

từ 5,475 lần – 12,7 lần. Số tiền bị cáo đã thu lời bất chính tổng là 78.948.041đ (*Bảy mươi tám triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn không trăm bốn mươi một đồng*).

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do muốn thu lời bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Như vậy, đủ cơ sở kết luận hành vi của Đặng Quốc D đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[4]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích công dân được pháp luật bảo vệ, do đó cần có mức hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đồng thời bị cáo có đầu thú về hành vi phạm tội tại Cơ quan điều tra. Các tình tiết giảm nhẹ trên được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú ổn định. Xét thấy xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giáo dục, quản lý cũng đủ cải tạo bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo kéo dài trong một thời gian dài với nhiều người vay khác nhau, do vậy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Đối với Nguyễn Thu H là vợ của bị cáo Dũng có cho bị cáo Dũng mượn tài khoản Ngân hàng để sử dụng, tuy nhiên Hằng không biết về việc chồng dùng tài khoản Ngân hàng của mình để nhận lãi từ việc cho vay lãi nặng nên không đủ căn cứ xử lý về hình sự.

Đối với Ngô Trọng Dũng, theo Đặng Quốc D khai nhận cho người này vay tiền tuy nhiên quá trình điều tra không xác minh được nhân thân, lai lịch cụ thể của người này nên không đủ căn cứ giải quyết.

Đối với những người vay còn lại bao gồm Bùi Thị Bích P, Nguyễn Tiến L, Nguyễn Trung H, Ngô Văn T, Bùi Đức A, Dương Công D, Phạm Bá Q, Đinh Viết T quá trình vay có người thỏa thuận lãi suất với Đặng Quốc D, tuy nhiên thực tế giao dịch dân sự thực tế giữa hai bên không trả lãi, nên không đề cập xử lý.

Đối với hành vi Đặng Quốc D cho 09 người vay gồm: Nguyễn Ngọc H, Bùi Văn L, Phạm Thị H, Bùi Văn T, Bùi Đức T, Phạm Đức Sơn, Bùi Hữu H, Nguyễn Ngọc C, Trần Thị H, với tổng số tiền gốc 277.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng*) với

mức lãi suất trên 20%/năm, nhưng chưa gấp 5 lần mức cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự, nên chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với hành vi nêu trên của bị cáo.

[8] Các biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền nợ gốc, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho bị cáo tổng là 247.000.000 đồng, đây là tiền bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung Công quỹ.

- Đối với số tiền 10.810.959 đồng là tiền lãi thu được tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu đối với bị cáo để sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền bị cáo thu của người vay, gồm: Chị Bùi Thị C: 5.320.055 đồng; chị Đinh Thị T: 17.410.137 đồng; chị Phan Thị N: 9.154.452 đồng; anh Bùi Xuân T: 6.394.521 đồng; chị Vũ Thị Ngân H: 6.232.877 đồng, anh Nguyễn Trần Đ: 6.918.630 đồng; anh Phạm Tuấn A: 3.707.945 đồng, chị Lê Thu H: 2.476.575 đồng; chị Hoàng Thị T: 499.712 đồng; Anh Nguyễn Minh T: 713.548 đồng; anh Nguyễn Thành L: 641.370 đồng; anh Vũ Hải N: 3.049.041 đồng; anh Bùi Đức T: 13.412.740 đồng; chị Trần Thị H: 3.016.438 đồng. Đây là khoản tiền bị cáo thu lời bất chính của những người vay, cần buộc bị cáo trả lại số tiền trên cho những người vay.

- Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả hết cho bị cáo, cụ thể: Anh Phạm Tuấn A còn nợ 2.000.000 đồng và chị Vũ Thị Ngân H còn nợ 3.000.000 đồng. Đây là số tiền dùng vào việc phạm tội, nên cần buộc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải nộp lại tiền để sung Ngân sách nhà nước.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với: 01 đầu thu Camera là tài sản của Đặng Quốc D; 01 Đăng ký xe mô tô BKS 28H1 – 246.83 và 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Bùi Thị C, 01 Đăng ký xe mô tô BKS 18B2 – 318.33 của Nguyễn Ngọc H; 01 xe mô tô Yamaha Sirius BKS 28S5 – 0113 và Đăng ký xe tên Nguyễn Văn Bửu là tài sản của anh Đinh Viết T; 01 Đăng ký xe mô tô BKS 28S8 – 0318 mang tên Hà Đức Nam và Đinh Thị T; 01 máy tính Microsoft của anh Nguyễn Minh T; 01 Đăng ký xe mô tô BKS 28H1 – 309.33 của anh Phạm Tuấn A; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode BKS 28H1 – 276.96 cùng Đăng ký xe mô tô tên Nguyễn Thị Lan Anh, 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị Lan Anh của anh Nguyễn Thành L; 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Bùi Xuân T, 01 Đăng ký xe mô tô BKS 28 S3 -4552 mang tên Bùi Văn Phong, 01 Đăng ký xe mô tô BKS 28H1 – 506.08 tên Nguyễn Thị Kim Huệ của Bùi Xuân T; 01 Sổ hộ khẩu của chị Trần Thị H; 01 Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, 01 tập phương án phòng cháy, - 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 25A8007488; 01 tập phương án chữa cháy của cơ sở hộ kinh doanh mang tên Nguyễn Thu H, 01 Thông báo nộp lệ phí trường bạ nhà, đất ngày 20/01/2020; 01 thông báo nộp thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân chuyển nhượng bất động sản ngày 20/7/2020; 01 Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 24/12/2019, 01 Hợp đồng mua bán xe ô tô ngày 24/12/2019, 03 thẻ ngân hàng mang tên Đặng Quốc D, 03

thẻ ngân hàng mang tên Nguyễn Thu H thu giữ trong quá trình điều tra, tài sản của bị cáo của Dũng và Nguyễn Thu H và các tài sản, giấy tờ cá nhân của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp các tài sản trên là đúng quy định.

- Đối với 01 Đăng ký xe mô tô BKS 28F1 – 5501 và 01 Chứng minh thư nhân dân của Chị Vũ Thị Ngân H; 01 Giấy phép lái xe mang tên Đinh Thị Lan Tiên; 01 Đăng ký xe mang tên Mai Hải Yến; 01 Đăng ký xe mang tên Ngô Thị Hiền; 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Thị Thương; 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thùy Dương; 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Anh Tuấn là giấy tờ cá nhân của những người bị cáo cho vay tiền, được thu giữ tại nhà bị cáo. Xét những giấy tờ này là giấy tờ cá nhân của những người vay tiền bị cáo, được thu giữ tại nhà bị cáo cần trả lại cho bị cáo để bị cáo giao trả cho những cá nhân liên quan.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 8800; 01 điện thoại di động Iphone 11 Promax; 01 cây máy tính nhãn hiệu SEGOTEP; 01 màn hình máy tính nhãn hiệu DELL; 01 bàn phím và chuột không dây nhãn hiệu Fuhlen; 01 dây tín hiệu; 02 dây nguồn là công cụ phương tiện Đặng Quốc D sử dụng trong việc ghi chép, theo dõi việc vay lãi trên trang webag.mecash.vn, cần tịch thu sung công.

- Đối với 02 sim Viettel gắn trong 02 điện thoại di động Nokia 8800 và Iphone 11 Promax, xét không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Quốc D phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; Điều i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 35 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Đặng Quốc D 24 tháng Cải tạo không giam giữ, được trừ 09 ngày tạm giữ quy đổi bằng 27 ngày cải tạo không giam giữ, còn phải chấp hành 23 (Hai mươi ba) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được bản án và quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Đặng Quốc D cho Ủy ban nhân dân phường Phương Lâm, thành phố H, tỉnh Hòa Bình nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) sung vào Ngân sách Nhà nước.

2. Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự:

2.1. Buộc bị cáo Đặng Quốc D phải nộp lại số tiền gốc cho vay lãi cao là 247.000.000đ (Hai trăm bốn mươi bảy triệu đồng) và số tiền lãi 10.810.959đ (Mười triệu tám trăm mười nghìn chín trăm năm mươi chín đồng) để tịch thu sung quỹ Nhà nước.

2.2. Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền đã vay nhưng chưa thanh toán cho bị cáo Đặng Quốc D, cụ thể:

- Anh Phạm Tuấn A phải nộp số tiền vay là 2.000.000đ (Hai triệu đồng);
- Chị Vũ Thị Ngân H phải nộp số tiền vay là 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

2.3. Buộc Đặng Quốc D phải trả lại số tiền thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

- Trả cho chị Bùi Thị C số tiền: 5.320.055đ (Năm triệu ba trăm hai mươi nghìn không trăm năm mươi lăm đồng);

- Trả cho chị Đinh Thị T số tiền: 17.410.137đ (Mười bảy triệu bốn trăm mười nghìn một trăm ba mươi bảy đồng);

- Trả cho chị Phan Thị N số tiền: 9.154.452đ (Chín triệu một trăm năm mươi bốn nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng);

- Trả cho anh Bùi Xuân T số tiền: 6.394.521đ (Sáu triệu ba trăm chín mươi bốn nghìn đồng);

- Trả cho bà Vũ Thị Ngân H số tiền: 6.232.877đ (Sáu triệu hai trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng);

- Trả cho anh Nguyễn Trần Đ số tiền: 6.918.630đ (Sáu triệu chín trăm mười tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng);

- Trả cho anh Phạm Tuấn A số tiền: 3.707.945đ (Ba triệu bảy trăm linh bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng);

- Trả cho chị Lê Thu H số tiền: 2.476.575đ (Hai triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng);

- Trả cho chị Hoàng Thị T số tiền: 499.712đ (Bốn trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm mười hai đồng);

- Trả cho anh Nguyễn Minh T số tiền: 713.548đ (Bảy trăm mười ba nghìn năm trăm bốn tám đồng);

- Trả cho anh Nguyễn Thành L số tiền: 641.370đ (Sáu trăm bốn mươi một nghìn ba trăm bảy mươi đồng);

- Trả cho anh Vũ Hải N số tiền: 3.049.041đ (Ba triệu không trăm bốn mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng);

- Trả cho anh Bùi Đức T số tiền: 13.412.740đ (Mười ba triệu bốn trăm mười hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng);

- Trả cho bà Trần Thị H số tiền: 3.016.438đ (Ba triệu không trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 8800, màu vàng gold, code: 0574624358645/01/708784/2, tình trạng đã qua sử dụng.

- Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu vàng gold, code: 353904105452664, tình trạng đã qua sử dụng.

- Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước 01 cây máy tính bàn nhãn hiệu SEGOTEP, tình trạng đã qua sử dụng.

- Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước 01 cây máy tính nhãn hiệu DELL, tình trạng đã qua sử dụng.

- Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước 01 bàn phím và chuột không dây nhãn hiệu: Fuhlen, tình trạng đã qua sử dụng.

- Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước 01 dây tín hiệu, tình trạng đã qua sử dụng.

- Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước 02 dây nguồn, tình trạng đã qua sử dụng.

- Tịch thu, tiêu hủy 02 Sim điện thoại Viettel, đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 21/BB ngày 02/12/2021 giữa Công an thành phố H và Chi cục thi hành án Dân sự thành phố H).

- Trả lại cho bị cáo Đặng Quốc D: 01 Đăng ký xe mô tô BKS 28F1 – 5501 và 01 Chứng minh thư nhân dân của Chị Vũ Thị Ngân H; 01 Giấy phép lái xe mang tên Đinh Thị Lan Tiên; 01 Đăng ký xe mang tên Mai Hải Yến; 01 Đăng ký xe mang tên Ngô Thị Hiền; 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Lê Thị Thương; 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thùy Dương; 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Nguyễn Anh Tuấn *(Các giấy tờ trên hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án).*

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Đặng Quốc D phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Trường hợp vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh HB;
- VKSND tỉnh HB;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- Công an thành phố HB;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án DS TPHB;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, NVLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa**Đỗ Thị Quỳnh Anh**

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Đề nghị truy thu sung quỹ nhà nước Đặng Quốc D, số tiền 252.000.000 đồng; Truy thu Phạm Tuấn A, số tiền 2.000.000 đồng; Truy thu Vũ Thị Ngân H, số tiền 3.000.000 đồng;

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền lãi 10.810.419đ Đặng Quốc D được hưởng, có được từ hành vi trái pháp luật. Số tiền thu lời bất chính 78.948.041đ từ 14 người vay tiền, Đặng Quốc D phải trả cho những cá nhân này, cụ thể:

- Trả lại cho Bùi Thị C: 5.320.795đ
- Trả lại cho Đinh Thị T: 17.410.136,987đ
- Trả lại cho Phan Thị N: 9.154.452,055 đồng;
- Trả lại cho Bùi Xuân T: 6.394.520,548đ
- Trả lại cho Vũ Thị Ngân H: 6.232.876,712đ
- Trả lại cho Nguyễn Trần Đ: 6.918.630,138đ
- Trả lại cho Phạm Tuấn A: 3.707.945,205 đồng
- Trả lại cho Lê Thu H: 2.476.575.342 đồng
- Trả lại cho Hoàng Thị T....

.....

Đối với

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Trong các ngày 24 và 30 tháng 12 năm 2019

Tại: Phòng Nghị án, Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hòa Bình

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Trung và ông Trần Viết Ty

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 124/2019/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với:

Bị cáo **Phan Thị Luyến**, sinh 06/02/1965 tại Hưng Yên

Nơi ở hiện nay: Số nhà 188 đường Hòa Bình, tổ 10, phường Hữu Nghị, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hà Minh Sơn, sinh năm 1994

Trú tại: Xóm Dụ 5, xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình

2. Chị Hoàng Thị Thu, sinh năm 1991

Trú tại: Tổ 13, phường Thịnh Lang, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

3. Chị Vũ Thị Hải, sinh năm 1975

Trú tại: Xóm Tân Lập, xã Dân Hạ, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình

4. Anh Vũ Phú Hưng, sinh năm 1987

Trú tại: Tổ 5, phường Tân Hoà, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

5. Chị Trần Thị Nguyệt, sinh năm 1967

Trú tại: Số nhà 239 đường Hòa Bình, tổ 1, phường Hữu Nghị, thành phố H, tỉnh Hòa Bình

6. Anh Đinh Công Tình, sinh năm 1977

Trú tại: Tổ 11, phường Thịnh Lang, thành phố H, tỉnh Hòa Bình

7. Chị Bùi Phương Thảo, sinh năm 1996

Trú tại: Tổ 1, phường Phương Lâm, thành phố H, Hòa Bình

8. Chị Vũ Thị Thu Hằng, sinh năm 1983

Trú tại: Tổ 11, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

1. Tuyên bố bị cáo Phan Thị Luyến, phạm “Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Xử phạt, Phan Thị Luyến 12 (Mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành được tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường Hữu Nghị, thành phố H, tỉnh Hòa Bình nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường Hữu Nghị, thành phố H, tỉnh Hòa Bình nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục.

Biểu quyết: 3/3.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự:

Xử buộc, Phan Thị Luyến phải có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền lãi đã thu lời bất chính cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể:

- Hoàn trả lại cho Hà Minh Sơn số tiền 1.434.247 đồng;
- Hoàn trả lại cho Hoàng Thị Thu số tiền 12.252.330 đồng;
- Hoàn trả lại cho Vũ Thị Hải số tiền 11.984.934 đồng;
- Hoàn trả lại cho Vũ Phú Hưng số tiền 6.715.070 đồng;
- Hoàn trả lại cho Trần Thị Nguyệt số tiền 7.808.220 đồng;
- Hoàn trả lại cho Đinh Công Tình số tiền 5.291.781 đồng;
- Hoàn trả lại cho Bùi Phương Thảo số tiền 20.252.055 đồng;
- Hoàn trả lại cho Vũ Thị Thu Hằng số tiền 5.382.192 đồng.

Biểu quyết: 3/3.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Truy thu khoản tiền gốc của Phan Thị Luyến đã dùng vào việc cho những người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay và khoản tiền gốc người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay chưa trả cho Phan Thị Luyến để sung quỹ Nhà nước, cụ thể:

- Truy thu Phan Thị Luyến số tiền 77.979.171 đồng;
- Truy thu Vũ Thị Hải số tiền 10.000.000 đồng;
- Truy thu Trần Thị Nguyệt số tiền 5.000.000 đồng;
- Truy thu Đinh Công Tình số tiền 5.000.000 đồng;
- Truy thu Vũ Thị Thu Hằng số tiền 1.900.000 đồng;
- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 phong bì niêm phong tiền vật chứng mặt ngoài có ghi “tiền vật chứng: 7.100.000đ vụ Phan Thị Luyến”. Theo biên bản giao nhận vật chứng số 17/BB ngày 18/11/2019 giữa Công an thành phố H và Chi cục thi hành án Dân sự thành phố H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Biểu quyết: 3/3.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Phan Thị Luyến phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Biểu quyết: 3/3.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phan Thị Luyến có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/12/2019. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

Biểu quyết: 3/3.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Phan Thị Luyến phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Biểu quyết: 3/3.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phan Thị Luyến có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 30/12/2019. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

Biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 08 giờ 45 phút, ngày 30 tháng 12 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Đặng Minh Khoa

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh HB;
- Sở tư pháp tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- Công an thành phố HB;
- Thi hành án hình sự;
- Chi cục Thi hành án DS TPHB;
- Bị cáo Phan Thị Luyện;
- Người có quyền lợi, NVLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Đặng Minh Khoa

